

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22/9/2023

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
chung”*

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Việt Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Luyến và bà Phan Thị Gái.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Đình Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 43/2023/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023, về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Đức Q, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin vắng mặt

**- Bị đơn:** Chị Trần Thị N, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Trần Viết D và Nguyễn Thị H; địa chỉ: thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2023, bản trình bày ý kiến ngày 10/4/2023, anh Nguyễn Đức Q trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức Q và chị Trần Thị N đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau đầm ấm và hạnh phúc tại thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Sau đó, vợ chồng đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Tháng 6/2020, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do hai bên có lối sống khác biệt và bất đồng quan điểm. Dù vợ chồng cố gắng giải quyết những bất đồng và hàn gắn tình cảm gia đình nhưng cả hai vẫn không có tiếng nói chung và không có kết quả. Từ đó, mâu thuẫn hai vợ chồng càng ngày nghiêm trọng khiến cả hai sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được nên anh **Nguyễn Đức Q** viết đơn yêu cầu TAND tỉnh Quảng Trị giải quyết cho anh **Q** được ly hôn với chị **Trần Thị N**.

- Về con chung: Có 02 người con chung là cháu **Nguyễn Khánh N1**, sinh ngày 15/4/2017 và cháu **Nguyễn Khánh N2**, sinh ngày 21/5/2019. Hiện hai con chung đang sống chung với ông, bà ngoại tại **thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị**. Nếu ly hôn, anh **Q** có nguyện vọng giao hai con chung cho chị **Trần Thị N** chăm sóc, nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung với mức 8.000.000 đồng/ tháng.

- Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Tại bản tự khai ngày 24/8/2023, chị **Trần Thị N** trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị N** và anh **Nguyễn Đức Q** kết hôn ngày 06/9/2016 tại **UBND xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị**. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau đầm ấm và hạnh phúc tại **thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị**. Sau đó, vợ chồng đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Tháng 6/2020, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do hai bên có lối sống khác biệt và bất đồng quan điểm. Dù vợ chồng cố gắng giải quyết những bất đồng và hàn gắn tình cảm gia đình nhưng cả hai vẫn không có tiếng nói chung và không có kết quả. Từ đó, mâu thuẫn hai vợ chồng càng ngày nghiêm trọng khiến cả hai sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị **Trần Thị N** đồng ý ly hôn anh **Nguyễn Đức Q**.

- Về con chung: Có 02 người con chung là cháu **Nguyễn Khánh N1**, sinh ngày 15/4/2017 và cháu **Nguyễn Khánh N2**, sinh ngày 21/5/2019. Hiện hai con chung đang sống chung với ông, bà ngoại tại **thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị**. Nếu ly hôn, chị **N** có nguyện vọng được nuôi hai con chung và tạm thời giao cho ông, bà ngoại nuôi dưỡng trong thời gian chị **N** đang ở Nhật Bản. Đồng thời, chị **N** đồng ý với yêu cầu của anh **Q** về việc anh **Q** cấp dưỡng nuôi hai con chung với mức 8.000.000 đồng/tháng.

- Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Tại biên bản xác minh ngày 25 tháng 8 năm 2023, ông **Trần Viết D** và bà **Nguyễn Thị H** (bố, mẹ của chị **Trần Thị N**) trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Nguyễn Đức Q** và chị **Trần Thị N** kết hôn tại **UBND xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị**. Sau khi kết hôn thì anh **Q** và chị **N** sống tại nhà bố mẹ chồng tại **thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị**. Năm 2019, anh **Q** đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Đến năm 2020, thì chị **N** cũng đi lao động tại Nhật Bản. Trong quá trình chung sống tại Việt Nam thì vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc. Từ khi xuất khẩu lao động cho đến nay thì vợ chồng anh **Q** và chị **N** có mâu thuẫn hay không thì gia đình không biết. Nay, anh **Q** yêu cầu ly hôn với chị **N** thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.



- Về con chung: Vợ chồng anh **Q** và chị **N** có 02 người con chung là cháu **Nguyễn Khánh N1**, sinh năm 2017 và cháu **Nguyễn Khánh N2**, sinh năm 2019. Hai cháu ở với ông, bà ngoại từ năm 2019 cho đến nay. Hiện nay, cháu **Nguyễn Khánh N1** đang học lớp 1A **Trường Tiểu học V**, cháu **Nguyễn Khánh N2** đang học mầm non Hoa Phượng. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh **Q** và chị **N**, đồng thời giao hai con chung cho chị **N** nuôi dưỡng thì ông **D** và bà **H** đồng ý nuôi dưỡng hai cháu trong thời gian chị **N** đang làm việc tại Nhật Bản.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị trình bày ý kiến:**

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 BLTTDS, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 71, 81, 82, 83, 104, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Nguyễn Đức Q** được ly hôn với chị **Trần Thị N**.

- Về con chung: Giao hai con chung là cháu **Nguyễn Khánh N1**, sinh ngày 15/4/2017 và cháu **Nguyễn Khánh N2**, sinh ngày 21/5/2019 cho chị **Trần Thị N** nuôi dưỡng. Tuy nhiên, hiện nay anh **Q** và chị **N** đang xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nên tạm giao cho ông **Trần Viết D** và bà **Nguyễn Thị H** (là bố mẹ đẻ chị **N**) có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu trong thời gian chị **N** đang làm việc tại Nhật Bản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Nguyễn Đức Q** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung với mức 8.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành.

- Về án phí: anh **Nguyễn Đức Q** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1]. Về thủ tục tố tụng:*

Các tài liệu, chứng cứ anh **Nguyễn Đức Q** và chị **Trần Thị N** đều được chứng thực của **T** tại OSAKA - Nhật Bản. Do vụ án có đương sự đang ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

*[2]. Về quan hệ hôn nhân:*

Anh **Nguyễn Đức Q** và chị **Trần Thị N** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 06/9/2016 tại **UBND xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị**. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh **Q** và chị **N** là hợp pháp. Nay, anh **Nguyễn Đức Q** khởi kiện xin ly hôn chị **Trần Thị N** nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS để xem xét giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh **Nguyễn Đức Q**, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Sau khi kết hôn, anh **Q** và chị **N** sống với nhau đầm ấm và hạnh phúc tại **thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị**. Sau đó, anh **Q** và chị **N** đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Đến tháng 6/2020, giữa anh **Q** và chị **N** thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do hai bên có lối sống khác biệt và bất đồng quan điểm. Mặc dù vợ chồng cố gắng giải quyết những bất đồng và hàn gắn tình cảm gia đình nhưng cả hai vẫn không có tiếng nói chung và không có kết quả. Từ đó, mâu thuẫn càng ngày nghiêm trọng khiến cả hai sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay. Tại bản trình bày ý kiến, chị **N** cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn, không hàn gắn được tình cảm, chị **N** đồng ý ly hôn đối với anh **Q**. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Đức Q** để xem xét cho anh **Q** được ly hôn đối với chị **N**.

*[3]. Về con chung:* Anh **Q** và chị **N** có hai con chung là cháu **Nguyễn Khánh N1**, sinh ngày 15/4/2017 và cháu **Nguyễn Khánh N2**, sinh ngày 21/5/2019. Anh **Q** đồng ý giao 02 con cho chị **N** nuôi dưỡng, chị **N** đồng ý nuôi 02 con chung. Tại biên bản xác minh ngày 25/8/2023, ông **Trần Viết D** và bà **Nguyễn Thị H** (là bố mẹ đẻ chị **N**) đồng ý nuôi dưỡng hai cháu trong thời gian chị **N** đang làm việc tại Nhật Bản.

Xét thấy: Cháu **Nguyễn Khánh N1** và cháu **Nguyễn Khánh N2** hiện nay đang được bố mẹ chị **N** là ông **Trần Viết D** và bà **Nguyễn Thị H** chăm sóc, nuôi dưỡng và ông bà có điều kiện thuận lợi chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu. Ông **Trần Viết D** và bà **Nguyễn Thị H** đồng ý chăm sóc 02 cháu trong thời gian chị **N** chưa trở về Việt Nam. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho 02 cháu, cần giao cháu **Nguyễn Khánh N1** và cháu **Nguyễn Khánh N2** cho chị **N** nuôi dưỡng, ông **Trần Viết D** và bà **Nguyễn Thị H** (bố mẹ đẻ chị **N**) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu trong thời gian chị **N** chưa về lại Việt Nam.

*[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh **Q** và chị **N** đều thống nhất anh **Q** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 8.000.000 đồng. Xét thấy, thỏa thuận này là hợp lý nên cần chấp thuận việc anh **Q** cấp dưỡng nuôi 02 con



chung mỗi tháng 8.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2023 cho đến khi các con thành niên và có khả năng lao động.

[5]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. *Về án phí*: Anh **Nguyễn Đức Q** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 71, 81, 82, 83, 104, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Nguyễn Đức Q**.

**1. Về quan hệ hôn nhân**: Anh **Nguyễn Đức Q** được ly hôn với chị **Trần Thị N**.

**2. Về con chung**: Giao hai con chung là cháu **Nguyễn Khánh N1**, sinh ngày 15/4/2017 và cháu **Nguyễn Khánh N2**, sinh ngày 21/5/2019 cho chị **Trần Thị N** nuôi dưỡng. Ông **Trần Viết D** và bà **Nguyễn Thị H** (là bố mẹ đẻ chị **N**) có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Khánh N1** và cháu **Nguyễn Khánh N2** trong thời gian chị **Trần Thị N** chưa trở về lại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về cấp dưỡng nuôi con chung**: Anh **Nguyễn Đức Q** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung với mức 8.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2023 cho đến khi các con thành niên và có khả năng lao động.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

*Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**4. Về án phí**: Anh **Nguyễn Đức Q** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số

CC/2021/0000318 ngày 28/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Anh **Q** còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

**5. Quyền kháng cáo:** Anh **Nguyễn Đức Q**, chị **Trần Thị N** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, ông **Trần Viết D** và **Nguyễn Thị H** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Trung Sơn;
- Tổ HCTP;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Việt Trung**